

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2020		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2022		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số				Trong đó: vốn NSTW
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW									
	TỔNG SỐ				1.936.402	1.734.773	5.652.852	4.724.110	2.294.492	1.704.054	1.438.060	971.700		
I	Thu hồi vốn ứng trước						223.410	223.410	197.738	197.378	26.032	25.672	Thu hồi đủ 100% KH trung hạn còn lại	
	<i>Trong đó:</i>													
1	Dự án Đâu nổi, nâng cấp, mở rộng các Hệ thống cấp nước Ma Lâm, Phước Thành, huyện Bắc Ái; Ma Nối huyện Ninh Sơn; Phước Hà huyện Thuận Nam và Phương Cựu, huyện Ninh Hải để cấp nước sinh hoạt cho người dân phục vụ cho công tác chống hạn	Sở Nông nghiệp và PTNT					51.344	51.344	37.619	37.619	13.725	13.725		
2	Kênh cấp 2,3 Hồ Sông Sắt	UBND huyện Bắc Ái					12.237	12.237	2.305	2.305	9.932	9.932		
3	Hạ tầng cơ sở nông thôn dựa vào cộng đồng						2.000	2.000			2.000	2.000		
4	Hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT					8.015	8.015	8.000	8.000	15	15		
II	Thanh toán công trình hoàn thành				2.471.372	2.414.372	1.820.502	1.734.773	702.740	702.740	551.404	551.404	14.900	Bổ trí đủ 100% KH trung hạn còn lại
1	Kè chống sạt lở Nhon Hải đến Thanh Hải	UBND huyện Ninh Hải	866/QĐ-UBND 11/6/2020	105.000	105.000	52.500	52.500	52.000	52.000	47.000	47.000	5.000	1.900	
2	Kè chống sạt lở khu vực cảng Cà Ná	UBND huyện Thuận Nam	1246 30/7/2020	50.000	50.000	25.000	25.000	25.000	25.000	16.500	16.500	8.500	8.500	
3	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Quảng Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp	1803/QĐ-UBND 30/10/2018	80.000	50.000	17.000		50.000	50.000	45.500	45.500	4.500	4.500	
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023				421.742	417.515	-	-	415.000	415.000	274.633	274.633	140.128	Bổ trí đủ 100% KH trung hạn còn lại
1	Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 (2021-2025)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	784/QĐ-UBND 02/5/2021 423 14/4/2022	49.227	45.000	-	-	45.000	45.000	17.000	17.000	28.000	28.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu		Lũy kế vốn đã bố trí đến cuối năm 2020		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2022		KH trung hạn còn lại	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số				Trong đó: vốn NSTW
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW									
2	Đường Văn Lâm - Sơn Hải	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	1029/QĐ-UBND 07/6/2021	372.515	372.515	0	0	370.000	370.000	257.633	257.633	112.367	112.128	
III	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023			4.709.113	2.008.510	115.900	-	3.021.702	1.877.960	1.264.717	674.639	1.203.321	511.321	
1	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	2373/QĐ-UBND 22/12/2021	1.494.746	1.230.550	0	0	1.100.000	1.100.000	588.679	588.679	511.321	511.321	Bố trí đủ KH trung hạn còn lại;
III	Khởi công mới năm 2023					-	-	1.290.000	1.290.000	6.000	6.000		279.679	
1	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc Hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT	41/NQ-HĐND 17/5/2021	394.140	394.140	-	-	390.000	390.000	6.000	6.000	384.000	279.679	Bố trí hết số vốn còn lại của tổng nguồn vốn NSTW KH 2023